

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 14 /2020/DS-ST

Ngày 19-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 03 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Vinh Q, sinh năm 1989.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1956 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020)

Cùng địa chỉ: số 39 D, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: T2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Cao H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: T2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đặng Vinh Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P trình bày: Bà là mẹ của ông Đặng Vinh Q, vào ngày 27/8/2019, bà Nguyễn Thị N có đến nhà ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng hẹn đến ngày 27/10/2019 sẽ trả; đến ngày 14/10/2019, bà N tiếp tục vay của ông Q số tiền 68.000.000 đồng hẹn đến ngày 24/10/2019 thì trả; 02 lần vay cùng viết vào 01 tờ giấy cam kết vay tiền do ông Q giữ; tại giấy vay ghi tên vợ chồng bà N nhưng chỉ có bà Nguyễn Thị N viết và ký tên; hai bên có thỏa thuận bằng lời nói trả lãi suất 5%/tháng; nhưng từ khi vay đến nay bà N chưa trả lãi cho ông Q; mục đích vay là làm vốn mua bán; bà N có giao cho ông Q bản chính sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Cao H nói là làm tin. Đến thời hạn trả nợ anh Q đòi nợ nhiều lần, nhưng bà N và ông H không trả. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Q số tiền nợ gốc 128.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao H, nhưng ông H và bà N; việc thay đổi nơi cư trú, làm việc của ông Hoa và bà Ninh gắn với thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo cho nguyên đơn ông Đặng Vinh Q biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đặng Vinh Q có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N có địa chỉ tại T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn là bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[1.3] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 27/8/2019, bà Nguyễn Thị N có vay ông Đặng Vinh Q số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 27/10/2019 thì trả; đến ngày 14/10/2019, bà N tiếp tục vay của ông Q số tiền 68.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 24/10/2019 thì trả, 02 lần vay bà Ninh đều viết và ký vào 01 tờ giấy cam kết vay tiền do ông Q giữ; mục đích vay là để mua bán. Nguyên đơn khai rằng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói trả lãi suất 5%/tháng, nhưng tại giấy vay không thể hiện tính lãi và nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ về việc thỏa thuận lãi, nên Hội đồng xét xử xác định vay không có lãi. Đến thời hạn trả nợ ông Q đòi nợ nhiều lần, nhưng bà N và ông H không trả. Theo quy định tại khoản 01 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Xét hợp đồng vay giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Đặng Vinh Q về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền gốc 128.000.000 đồng: Tại giấy cam kết vay tiền đề ngày 27/8/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị N thể hiện bà N 02 lần vay tiền của anh Q với số tiền 128.000.000 đồng, thời hạn trả cuối cùng là ngày 27/10/2019; ông Q cho rằng số tiền 128.000.000 đồng chưa trả; bà N không có ý kiến phản đối với yêu cầu trả nợ gốc của ông Q nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 128.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Vinh Q về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng; bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú không có ý kiến phản đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng kể từ ngày 28/10/2019, nên bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 28/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2020) là 9 tháng 21 ngày; thành tiền $128.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 10.305.000 \text{ đồng}$

[3] Xét mục đích vay tiền của bà Nguyễn Thị N là phục vụ cho kinh doanh buôn bán. Vì vậy căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần buộc ông Cao H cùng có trách nhiệm trả nợ chung với bà Nguyễn Thị N.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vinh Quang; buộc ông Cao H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền nợ gốc 128.000.000 đồng và tiền lãi 10.305.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N và ông Cao H cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Q là $(128.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 6.400.000$ đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Đặng Vinh Q.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 01 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vinh Q. Buộc ông Cao H và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Đặng Vinh Q số tiền nợ gốc 128.000.000 đồng và nợ lãi 10.305.000 đồng. Tổng cộng 138.305.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Cao H và bà Nguyễn Thị N cùng phải chịu 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền tạm ứng án ông Q đã nộp 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0002812, ngày 04 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Vinh Q, ông Cao H và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

